

Tác động của hợp tác xã nông nghiệp tới đời sống kinh tế hộ gia đình tại nông thôn Thái Bình giai đoạn 1976-1986

Phan Huyền Dân

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết mong muốn tìm hiểu thông tin về tác động của hợp tác xã (HTX) nông nghiệp tới đời sống kinh tế hộ gia đình (HGĐ) từ những con người xã hội sống trong giai đoạn 1976-1986, từ đó đưa ra nhận định đa chiều về một giai đoạn lịch sử dân tộc. Nội dung bài viết dựa trên tổng quan nghiên cứu và kết quả khảo sát định lượng đã chọn lọc 346 mẫu phù hợp trong tổng 411 người dân kết hôn giai đoạn 1975-1985 tại 02 xã thuộc tỉnh Thái Bình, phỏng vấn sâu 15 đối tượng, 2 thảo luận nhóm (TLN) với những người có trải nghiệm và nhận thức sâu sắc về giai đoạn này. Kết quả cho thấy sự đối lập giữa một bên là chỉ có tỉ lệ thấp những ý kiến cho rằng HTX khiến đời sống kinh tế HGĐ kém hơn so với trước năm 1975 và một bên là còn nhiều đối nghèo về vật chất và sự trì trệ trong tinh thần lao động ở HTX. Nguyên nhân của sự đối lập này bắt nguồn từ thực tế là hiệu quả kinh tế mà HTX đã mang lại cho HGĐ thấp hơn nhiều so với mong đợi của họ khi tham gia HTX⁽¹⁾.

Từ khóa: Hợp tác xã nông nghiệp; Kinh tế hộ gia đình; Nông thôn miền Bắc.

Ngày nhận bài: 20/10/2018; ngày chỉnh sửa: 15/11/2018; ngày

1. Giới thiệu

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, nhiệm vụ chính của Việt Nam là phát triển kinh tế, đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Để thực hiện mục tiêu này, hai Kế hoạch 5 năm (1976-1980 và 1981-1985) đã được triển khai. Đây là giai đoạn lịch sử với những đặc điểm kinh tế đặc thù, nhưng những nghiên cứu về giai đoạn này nói chung, và chủ đề này nói riêng còn hạn chế. Nghiên cứu trong nước vào giai đoạn đó tập trung nhiều hơn vào các mặt tích cực của lịch sử Việt Nam. Nghiên cứu nước ngoài ở giai đoạn này không có nhiều cơ hội vào Việt Nam để thực hiện nghiên cứu. Các nghiên cứu trong nước từ sau năm 2005 bắt đầu cởi mở hơn khi thảo luận về giai đoạn này, tuy nhiên số lượng còn ít ỏi, và thường khai thác khía cạnh mô hình và tư duy kinh tế. Như vậy, cần có nghiên cứu xã hội học riêng biệt dựa trên thông tin được cung cấp bởi chính những con người xã hội sống trong giai đoạn này, từ đó đưa ra nhận định đa chiều về một giai đoạn lịch sử dân tộc.

Đối tượng nghiên cứu là HGĐ, tuy nhiên, khi HGĐ tham gia HTX, có thể tất cả các cá nhân trong HGĐ cùng làm việc HTX, có thể chỉ một hoặc một vài cá nhân trong HGĐ trực tiếp làm công việc HTX. Dù số lượng thành viên HGĐ trực tiếp tham gia HTX là bao nhiêu, thì thu nhập từ HTX sẽ có ảnh hưởng nhất định tới đời sống HGĐ, đặc biệt khi giai đoạn này làm nông nghiệp vẫn là công việc quan trọng của các HGĐ. Trong khuôn khổ bài viết này, hoạt động kinh tế của HGĐ bao gồm hoạt động có thu nhập từ HTX nông nghiệp, và các hoạt động có thu nhập ngoài HTX nông nghiệp.

Bài viết tập trung phân tích thực tiễn hoạt động của HTX trong giai đoạn 1976-1980 về các mặt sở hữu, phân công lao động, phân chia sản phẩm cuối cùng căn cứ vào các nghiên cứu đã có và kết quả khảo sát định tính; và phân tích tác động của HTX nông nghiệp tới đời sống của HGĐ miền Bắc giai đoạn 1976-1986 dựa trên khảo sát định lượng và định tính của đề tài thực hiện tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Mẫu phân tích bao gồm 346 người dân kết hôn giai đoạn 1975-1985 tại 02 xã, phỏng vấn sâu 15 đối tượng, 2 thảo luận nhóm (TLN) với những người có trải nghiệm và nhận thức sâu sắc về giai đoạn này.

2. Chính sách và thực tế hoạt động của HTX nông nghiệp ở miền Bắc giai đoạn 1976-1986

2.1. Chính sách phát triển HTX nông nghiệp ở miền Bắc giai đoạn 1976-1986

Đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội Đảng lần thứ IV năm 1976, trong đó sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là tư tưởng chủ đạo, và HTX quy

mô lớn là một trong những biểu hiện của sản xuất lớn ở khu vực nông thôn miền Bắc. Giai đoạn 1976-1986 được chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn là 1976-1980 và 1981-1986 căn cứ theo hai Kế hoạch 5 năm do Đảng Cộng sản đề ra. Trong giai đoạn 1976-1980, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đẩy mạnh. Chủ trương của nhà nước là mở rộng mối liên kết nông trường - HTX - hộ xã viên và sản xuất - nghiên cứu khoa học (Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm, 1996: 52). Tuy nhiên, sau này hầu hết các HTX nông nghiệp đều hoạt động kém hiệu quả (Nguyễn Đức Hòa, Phạm Phúc Vĩnh, 2015).

Trước tình hình kinh tế suy giảm nghiêm trọng, năm 1979, Nghị quyết hội nghị Trung ương 6, khóa IV đã phải “thừa nhận những điều vốn bị coi là “cấm kị” trước kia” (Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm, 1996) như sự tồn tại khách quan của các nền kinh tế, vì thế cần phải khuyến khích phát triển kinh tế HGĐ, và nới lỏng lưu thông hàng hóa. Mặc dù chưa chính thức công khai khoán hộ, nhưng Nghị quyết ra đời đã mở đường cho quá trình mở rộng “khoán chui” đến HGĐ diễn ra ở nhiều HTX.

Trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 1981-1985, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thay đổi định hướng phát triển kinh tế, trong đó “*đầu tư và phát triển nông nghiệp được đưa lên hàng đầu*” (Nguyễn Đức Hòa & Phạm Phúc Vĩnh, 2015: 59). Đặc biệt, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương đã ban hành Chỉ thị 100 CT, chính thức quyết định thực hiện chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, Chỉ thị này thường được gọi là khoán 100 (Đặng Phong, 2014: 224). Mục đích của Khoán 100 là nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trên cơ sở tạo động lực hăng hái của người lao động, từ đó vừa có thể nâng cao đời sống kinh tế hộ xã viên, vừa đảm bảo khả năng tích lũy của HTX, và phát triển kinh tế cả nước (Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm, 1996). Ngày 18/1/1984, Chỉ thị số 35 CT/TW về khuyến khích phát triển kinh tế gia đình đã thừa nhận kinh tế HGĐ là một bộ phận hợp thành kinh tế xã hội chủ nghĩa, và được tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển. Mặc dù Khoán 100 được coi là bước ngoặt lớn của chính sách HTX nhưng chỉ có tác dụng trong vài năm.

2.2. Thực tiễn hoạt động của HTX trong giai đoạn 1976-1986

Ở giai đoạn 1976-1980, hầu hết các HTX nông nghiệp đều hoạt động kém hiệu quả về kinh tế, cụ thể, sản xuất nông nghiệp trong cả nước chỉ tăng 1,9% trong giai đoạn này (Trần Bá Đệ, 2007). Cuộc điều tra 1000 HTX ở miền Bắc 1976-1979 cho thấy HTX nông nghiệp có quy mô càng lớn thì hiệu quả kinh tế càng thấp (Cao Văn Lượng, 1991: 45-46).

Nếu so sánh với kết quả thu được từ khảo sát của đề tài, vấn đề sở hữu, phân công lao động và phân phối sản phẩm ở HTX diễn ra với nhiều bất cập, phần nào giải thích được tình trạng kém hiệu quả ở trên.

Trước hết, ruộng, ao, và trâu bò được HGĐ đóng góp vào HTX từ giai đoạn trước năm 1975, vì vậy tới thời điểm năm 1976, những tài sản này thuộc sở hữu của HTX (TLN nông dân). Do đó, trong hoạt động của HTX nông nghiệp, HGĐ chỉ đóng góp sức lao động, các dụng cụ lao động giản đơn; HTX chịu trách nhiệm về thóc, giống, phân, điện, nước, xăng dầu, nhà kho, dụng cụ lao động loại lớn, và cung cấp người giám sát hoạt động kinh tế HTX (Ông T, 1950, Kế toán HTX nông nghiệp 1976-1978, Phó chủ nhiệm HTX 1978-1984). Trong mô hình này, HTX sở hữu những tư liệu sản xuất quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp, xã viên chỉ là những người đi làm được trả công, được điều động công việc theo chỉ đạo của HTX, và HGĐ không thể giữ vai trò chủ động trong các quyết định làm kinh tế. *“Đã vào HTX, chỉ có con người là của mình, không được quyết định gì”* (TLN nông dân).

Thứ hai, đối với phân công lao động, đại diện của HTX là đội trưởng/đội phó quyết định theo ngày cho từng người, chủ yếu căn cứ vào sức khỏe. *“Ví dụ: nữ đi tát nước, làm bờ, nếu khỏe sẽ phân công đi đào mương, gánh phân, nếu ngày hôm nay làm việc mệt thì mai sẽ cử làm việc khác...”* (PVS nam, 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979).

Tuy nhiên, sự công bằng trong phân công lao động bị tác động tiêu cực khi *“Đội trưởng/phó phân công hàng ngày theo cảm quan, không có kế hoạch, đánh giá xem ai phù hợp cái gì, có sự ưu tiên nhất định theo quan hệ thân thiết...”* (PVS nam, 1952, Kế toán HTX 1981-1983, Chủ tịch Hội nông dân xã 1984-2001), hay *“Thời đó chúng tôi có nhiều thời gian nhưng HTX có ít việc làm, thành ra không phải cứ muốn là được làm việc”* (PVS nam, 1962, nông dân).

Thứ ba, ở khâu phân phối sản phẩm, HTX căn cứ vào mức độ nặng nhọc của công việc để tính điểm, sau đó căn cứ vào công điểm để chia sản phẩm cuối cùng. Khi chia công điểm, HTX tổ chức họp bình bầu giữa các xã viên. Tuy nhiên, các xã viên không cảm thấy hào hứng với việc phân phối sản phẩm vì *“Làm nhiều nhưng hưởng ít, ăn còn không đủ”* (TLN nông dân), *“Công việc của người dân bị cào bằng nên mọi người không thể tích cực làm việc”* (PVS nam, 1950, Kế toán HTX nông nghiệp 1976-1978, Phó chủ nhiệm HTX 1978-1984).

Ở giai đoạn 1981-1986, sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% (so với mức 1,9% vào giai đoạn 1976-1980) (Nguyễn Đức Hòa, Phạm Phúc Vĩnh, 2015). Ngân sách nhà nước đầu tư cho nông nghiệp trong giai đoạn 1981-1985 chỉ bằng 41,5% so với giai đoạn 1976-1980, nhưng sản lượng lương thực quy thóc tăng 27%, năng suất lúa tăng 23,8%, thu nhập quốc dân trong nông nghiệp tăng 5,6%. Tuy nhiên, chính sách khoán chỉ có tác dụng trong vài năm (Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm, 1996).

Nếu nhìn từ góc độ chia sẻ của những người trong cuộc, trước hết, kết quả cho thấy liên quan tới vấn đề đóng góp và sở hữu, ruộng và ao được chia trở lại cho người dân theo nguyên tắc “*bóc thăm chọn ruộng, sao cho HGD nào cũng được nhận cả ruộng tốt và ruộng xấu, đảm bảo sự công bằng trong xã*” (TLN nông dân, Công giáo). Mặc dù áp dụng nguyên tắc phân chia ruộng công bằng, nhưng trên thực tế, vẫn có tình trạng “*không hiểu sao cán bộ luôn được phần ngon, 5-6 anh em nhà người ta ở cùng một chỗ đẹp*” (TLN nông dân). Ngoài ra, việc phân chia còn khiến mỗi HGD có nhiều mảnh ruộng rải rác khắp nơi “*mỗi nhà phải cả chục thửa, mỗi thửa vài thước, có khi phải chạy mười mấy xú đồng*” (TLN nông dân, Công giáo), việc chăm sóc quá khó khăn khi “*Ai cũng phải có miếng nạc, miếng xương cho đồng đều, nhưng thực tế là không thể đưa được cơ giới vào*” (PVS nam, 1956, thư ký đội 1974-1977).

Khoản 100 thực hiện cơ chế “năm khâu, ba khâu” (Nguyễn Sinh Cúc và Phạm Mai Ngọc, 2014), theo đó HTX chịu trách nhiệm với 05 khâu giống, làm đất, thủy lợi, phân bón, và phòng trừ sâu bệnh; còn HGD chịu trách nhiệm cấy lúa, chăm sóc, và thu hoạch (PVS nam, 1950, Kế toán HTX nông nghiệp 1976-1978, Phó chủ nhiệm HTX 1978-1984). HGD sử dụng các dịch vụ đầu vào của HTX sẽ phải trả phí đầu vào dưới hình thức “*đóng thuế đầu sào*” (TLN nông dân). Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng các khâu HTX chịu trách nhiệm không hiệu quả: “*Giống kém, dễ bị sâu và chuột ăn*” (PVS nữ, 1952, nông dân); “*Thuốc sâu kém chất lượng, không đủ số lượng, phun sai kỹ thuật*” (PVS nữ, 1961, nông dân); “*Phân bón thiếu, không cân đối*” (PVS nam, 1952, Kế toán HTX 1981-1983); “*Làm đất không cẩn thận, thậm chí không kịp thời vụ*” (TLN nông dân).

Khi phân phối sản phẩm, HTX căn cứ trên diện tích nhận khoán, loại ruộng khoán để phân nghĩa vụ nộp thuế cho từng HGD. Định mức khoán thường căn cứ vào năng suất của từng loại ruộng của những năm trước đó. Như vậy, các HGD biết rằng sau khi đóng định mức khoán và các nghĩa vụ khác, nếu năng suất càng cao thì phần được hưởng càng nhiều. Các ý kiến đều thừa nhận không khí phấn khởi, hăng hái lao động vì người dân được làm chủ mảnh ruộng của mình, năng suất tăng cao. Tuy nhiên, “*khoản sản lượng không theo thực tế, vụ lúa năm đó có được mùa hay mất mùa thì định mức khoán vẫn giữ nguyên như kế hoạch ban đầu*” (PVS nam, 1952, Kế toán HTX 1981-1983); thậm chí “*có giai đoạn thuế tăng lên 50%, người dân chỉ biết kêu than...*” (TLN nông dân; Ông N., 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979).

3. Tác động của HTX nông nghiệp tới đời sống kinh tế của HGD tại miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1976-1986

Để tìm hiểu về tác động của hoạt động HTX tới đời sống kinh tế HGD, khảo sát sử dụng câu hỏi mở để tìm hiểu lý do vì sao các HGD tham gia HTX, kết quả cho thấy có tới 62,1% (215/345 NTL) cho rằng lý do tham gia chủ yếu là vì mục đích kinh tế. Mục đích kinh tế có thể có nhiều cách diễn đạt “phải tham gia HTX mới có nguồn chi tiêu cho đời sống”, “vì kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp”, “đảm bảo kinh tế gia đình”, “lấy công điểm”, “muốn đời sống khá lên”, “vào HTX mới có thóc lúa”,... Vậy HTX đã đáp ứng được mong muốn đó của HGD như thế nào?

Trước hết, đánh giá chung về tác động của HTX tới đời sống kinh tế HGD trong giai đoạn 1976-1986, có 49,1% (168/342 ý kiến) các ý kiến cho rằng đời sống kinh tế không có gì thay đổi so với giai trước, 43% (147/342 ý kiến) cho rằng đời sống kinh tế HGD khá hơn, và chỉ có 7,6% (26/342 ý kiến) cho rằng đời sống kinh tế kém hơn.

Câu hỏi đặt ra là hoạt động kinh tế HTX liệu có phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới đời sống các HGD thay đổi hay không? Nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu mối tương quan giữa nguồn thu nhập chính của HGD và đời sống kinh tế HGD trong giai đoạn 1976-1986. Kết quả cho thấy 50,5% số HGD có thu nhập chính từ HTX cho rằng đời sống kinh tế không thay đổi, 43% cho rằng đời sống khá hơn, và 6,1% cho rằng đời sống kém hơn. Kết quả này khá thống nhất với kết quả đánh giá chung về tác động của HTX tới đời sống kinh tế HGD trong giai đoạn 1976-1986.

Trong số 62 HGD có thu nhập chính ngoài HTX, nguồn thu nhập chính phân bố tương đối rải rác như ruộng năm phần trăm (15 hộ), chăn nuôi và làm vườn gia đình (5 hộ), bắt tôm cá (7 hộ), buôn bán và dịch vụ (7 hộ), tiểu thủ công nghiệp (5 hộ), trợ cấp (1 hộ), lương nhà nước (14 hộ), làm thuê (8 hộ). Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là trong nhóm có nguồn thu nhập chính từ ruộng năm phần trăm và chăn nuôi – làm vườn gia đình, có tới 18/20 trường hợp cho rằng đời sống HGD khá hơn. Mặc dù ý nghĩa thống kê không cao, nhưng cho thấy xu hướng phù hợp với kết quả tổng hợp của Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ về giai đoạn 1976-1980 rằng “các hộ xã viên sử dụng quỹ đất năm phần trăm và đất vườn có hiệu quả” (Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ, 2009: 68), tức là khi hộ tập trung cho hoạt động kinh tế phụ HGD thì nhiều khả năng mang lại đời sống kinh tế khá hơn. Khi so sánh nhóm những hộ có nguồn thu nhập chính ngoài HTX và nhóm có thu nhập chính từ HTX, kết quả phản ánh xu hướng tương đồng với nhau, tức là 45,2% cho rằng đời sống không thay đổi, 43,5% cho rằng đời sống khá hơn, và 11,3% cho rằng đời sống kém hơn. Tác giả Trần Đức Cường (2014) từng phân tích trong giai đoạn trước năm 1975, mặc dù kinh tế phụ

HGD có thể là nguồn thu nhập chính, nhưng “nguồn thu nhập này luôn luôn bị đe dọa bởi một số chính sách hạn chế của nhà nước như chính sách giá cả, khống chế thị trường tự do...”. Sau năm 1975, các chính sách này vẫn được duy trì, tức là thể chế bao cấp xóa bỏ thể chế thị trường, trao đổi hàng hóa giữa nhà nước và nông dân tuy được tính bằng tiền, nhưng về mặt bản chất là trao đổi hàng lấy hàng, việc thu mua mang tính bắt buộc và phân phối sản phẩm cuối cùng theo định mức, có khi “chợ làng cũng bị cấm” (Đào Thế Tuấn, 1997: 152). Đây có thể là một trong những cách giải thích phù hợp lý do vì sao cho dù HGD có nguồn thu chính từ HTX hay ngoài HTX thì xu hướng tác động tới đời sống kinh tế không có nhiều khác biệt.

Nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu tương quan 03 biến nhóm năm kết hôn (1975-1980 và 1981-1985), nguồn thu nhập chính và tác động tới đời sống kinh tế HGD. Kết quả bảng 1 cho thấy cho dù kết hôn trong khoảng thời gian 1975-1980 hay 1981-1985 thì tác động của HTX tới đời sống kinh tế HGD đều có xu hướng giống nhau, và không phân biệt thu nhập chính có được từ nguồn nào. (Bảng 1).

Chia sẻ về giai đoạn 1976-1980 từ các phỏng vấn sâu cho biết: “HTX ít việc, nghề phụ cũng hạn chế, nên không biết làm gì để sống” (PVS nam, 1962, nông dân); “Bản thân cũng muốn thoát nghèo, nhưng không có cách gì, chỉ là tăng gia bằng cách trồng cây, mò cua bắt ốc” (TLN nông dân), “Ban ngày làm HTX, tối lại làm gạch. Nếu thừa gạch thì đem bán, nhưng giá rẻ nên không ăn thua...” (PVS nam, 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979)... Những chia sẻ này một lần nữa khẳng định rằng cơ hội để các HGD trong giai đoạn 1976-1980 có nguồn thu nhập chính từ kinh tế phụ khá khó khăn, vì thế xu hướng đời sống kinh tế nói chung giữa nhóm có thu nhập chính từ HTX và ngoài HTX tương đối giống nhau.

Bước sang giai đoạn áp dụng Khoản 100, mặc dù giai đoạn đầu đời sống cải thiện, năng suất lúa tăng cao, nhưng những chia sẻ sau đó cho

Bảng 1. Tác động của HTX tới đời sống kinh tế HGD phân theo giai đoạn kết hôn và nguồn thu nhập chính

Năm kết hôn	Nguồn thu nhập chính	Đời sống khá hơn	Đời sống kém hơn	Đời sống không thay đổi	Chung
Chung		43,1	7,1	49,6	339
1975-1980	HTX	42,7	6,3	51,0	143
	Ngoài HTX	45,5	9,1	45,5	33
1981-1985	HTX	43,3	6,0	50,0	134
	Ngoài HTX	41,4	13,8	44,8	29

thấy các HGĐ lại lâm vào hoàn cảnh khó khăn do “Vào giai đoạn phải nộp sản cao, HGĐ không biết lấy giống tốt và năng suất ở đâu, vì vậy càng gặp khó khăn trong giai đoạn chống đói này” (TLN nông dân, Công giáo), thậm chí, có HGĐ thuê thêm ruộng của HGĐ khác, nhưng “Đến khi tăng khoán đỉnh điểm và tăng liên tục tới 60kg/sào thì tôi đành trả ruộng thuê” (PVS nữ, 1952, nông dân). Như vậy, trong giai đoạn 1981-1986, mặc dù ban đầu có chuyển biến kinh tế mạnh mẽ, nhưng xét cả giai đoạn thì xu hướng thay đổi đời sống kinh tế của HGĐ cũng không có nhiều khác biệt so với giai đoạn trước. Trường hợp thu nhập chính của hộ từ nguồn ngoài HTX thì chính sách Khoán không có ảnh hưởng, do đó so với giai đoạn trước cũng không có gì thay đổi. Vì vậy, cho dù thu nhập chính có nguồn từ HTX hay ngoài HTX, thì xu hướng đời sống kinh tế của các HGĐ giai đoạn 1981-1986 không có nhiều khác biệt so với giai đoạn 1976-1980.

Nếu như các kết quả khảo sát định lượng ở trên cho thấy chỉ có 7,6% NTL cho rằng đời sống kinh tế kém hơn so với trước chiến tranh, thì những chia sẻ từ các phỏng vấn sâu (PVS) về giai đoạn 1976-1980 cũng quan điểm khi cho rằng “Trước 1975 vẫn khổ hơn vì nuôi quân, rồi mất mùa” (TLN nông dân, Công giáo), “Sau 1975, năng suất vẫn cao hơn, công điểm cũng cao hơn nhiều, nhưng nếu mất mùa thì cũng chỉ thu được lượng thóc như trước 1975” (PVS nam, 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979). Tuy nhiên, điều đáng chú ý là phân đông các ý kiến đều vẽ ra một bức tranh nghèo đói: “Cứ trông đến tháng 3 mùa giáp hạt chờ Nhà nước cứu đói” (TLN nông dân); “1 sào được 30 kg là cao. Dân đói, không có khả năng nộp xã. Lãi mẹ đẻ lãi con đến mức không thể trả được, xã phải xóa nợ” (PVS nữ, 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979)... Điều khiến các PVS đưa ra một bức tranh kinh tế buồn chính là “Mặc dù kinh tế sau 1975 đỡ hơn, nhưng tinh thần lại kém hơn vì người dân vốn dĩ mong chờ cuộc sống sau hòa bình phải tốt hơn” (TLN nông dân,), tức là có sự chênh lệch giữa mong muốn và thực tế đạt được, chứ không hẳn là sự chênh lệch kinh tế giữa giai đoạn trước hòa bình và sau hòa bình.

Không chỉ vậy, khi đối chiếu bức tranh nghèo đói và không tìm ra lối thoát kinh tế của các HGĐ xã viên với đời sống HGĐ không tham gia HTX, thì gia đình ông S. là một hình ảnh tự chủ, ổn định về kinh tế, và chênh lệch đáng kể so với đời sống của HGĐ xã viên. Ông S. kể lại câu chuyện của gia đình ông: “Có những năm mất mùa, trong HTX đói, chứ nhà mình không sao, vì mình chăm bón đầy đủ. Giống có thể mua ở trại giống trên huyện và giống của gia đình tự giữ từ năm trước. Tám thom, một tuyền năng suất cứ 60-70 kg/sào. Thóc lúa có dư một chút để bán ra ngoài. Nhà không đói bao giờ” (PVS nam, 1953, gia đình không vào HTX). Người dân sống ở cùng khu vực với gia đình ông S. chia sẻ rằng sở dĩ gia đình ông không vào HTX mà vẫn có đủ điều kiện phát triển nông

nghiệp vì ruộng ngay sát sông, có thể tự chủ về thủy lợi, đồng thời là gia đình có công với cách mạng nên không bị chính quyền địa phương cản trở (PVS nam, 1952, Kế toán HTX 1981-1983; TLN nông dân).

Khi chỉ thị 100 CT được ban hành, không khí phấn khởi lao động diễn ra khắp nơi: *“Dân ra đồng 100%, năng suất tăng vù vù, sáng đi sớm, tối về muộn”* (PVS nam, 1950, Kế toán HTX nông nghiệp 1976-1978, Phó chủ nhiệm HTX 1978-1984, TLN nông dân); *“Thời gian mới khoán, dân nhiệt tình vì năng suất cao. Nếu ban ngày làm việc tập thể thì đi cấy ban đêm”* (PVS nữ, 1954, Thư ký đội khoa học – kỹ thuật chuyên về giống 1980, Thường vụ Hội nông dân 1981-1986); hay khi máy cày mới xuất hiện: *“Hai bố con tôi nắm cơm lên huyện Quỳnh Côi để xem máy cày to, thấy rất phấn khởi”* (PVS nam, 1954, Tổ trưởng tổ bảo vệ HTX 1975-1979). Có trường hợp cặp vợ chồng làm thợ thêu ren ở HTX tiểu thủ công nghiệp đã trở về nhận ruộng khoán ngay sau khi Khoán 100 được thực thi *“Nhà cô không bao giờ thiếu gạo, có thể bán gạo để mua nhiều thứ khác”* (PVS nữ, 1961, nông dân). Đời sống kinh tế cải thiện rõ rệt trong một thời gian, nhưng sau đó các HGD lại lâm vào hoàn cảnh khó khăn, mất phương hướng, mà nguyên nhân được chia sẻ nhiều nhất là việc tăng khoán sản không căn cứ vào tình hình thực tế. Thậm chí, có hộ thuê lại ruộng của HGD khác để tăng gia sản xuất, nhưng *“Đến khi tăng khoán đỉnh điểm và tăng liên tục thì đành trả ruộng thuê vì làm vất vả mà không thu được mấy...”* (PVS nữ, 1952, nông dân).

Nếu so sánh đời sống kinh tế với một hộ phỏng vấn có thu nhập chính từ nghề phụ, kết quả cho thấy tuy phải thay đổi nhiều nghề, nhưng kinh tế của HGD này ổn định và có tích lũy hơn: *“Tôi đi bộ đội về năm 1983, lấy chồng năm 1984. Ba năm đầu chưa có con, hai vợ chồng khi thì đi bán cà chua, làm hàng xáo, đi đồng nát,... được cả hai vợ chồng có sức khỏe, đến mùa thì đi làm đồng, làm xong lại đi xe thô. Tiền nhà và nuôi con sau này chủ yếu là từ nghề xe thô, làm đồng chỉ để có đủ gạo ăn...”* (PVS nữ, 1963, công việc chính là đi xe thô).

Tóm lại, các phân tích trên cho thấy chỉ có tỉ lệ nhỏ các ý kiến cho rằng HTX có tác động khiến cho đời sống kinh tế HGD kém hơn so với giai đoạn trước năm 1975, cho dù thu nhập chính của hộ có được từ hoạt động kinh tế HTX hay hoạt động kinh tế ngoài HTX, và cho dù các cặp vợ chồng kết hôn trong giai đoạn trước hay sau Khoán 100. Tuy nhiên, những ấn tượng của xã viên về giai đoạn này là sự khó khăn và nghèo đói, vì hiệu quả kinh tế đạt được kém hơn so với những hy vọng ban đầu của họ.

4. Kết luận

Lý thuyết về sự phụ thuộc lẫn nhau đã được Harold Kelley và John Thibaut khởi xướng từ những năm 1950. Sau này, nhiều tác giả đã phát

triển lý thuyết này, trong đó, Guerrero, Anderson & Afifi (2011) cho rằng con người có xu hướng tối đa hóa phần nhận được, và giảm thiểu chi phí trong một mối quan hệ. Về mặt tâm lý, con người có xu hướng tính toán, đánh giá kết quả chênh lệch giữa phần nhận được và phần mất đi. Nếu như phần nhận được lớn hơn phần mất đi thì có thể coi là kết quả tích cực, và ngược lại sẽ là kết quả tiêu cực. Tuy nhiên, không hẳn khi kết quả tích cực thì sẽ khiến con người thỏa mãn, vì họ thậm chí còn có những mong đợi lớn hơn từ mối quan hệ đó, và nghĩ rằng mối quan hệ đó hoàn toàn có thể đáp ứng được. Trong mối quan hệ giữa HTX và HGĐ ở nghiên cứu này, HGĐ tham gia HTX với kỳ vọng lớn về hiệu quả kinh tế của HTX. Như vậy, không chỉ con số 7,6% phản ánh tính tiêu cực trong mối quan hệ, và ngay cả con số 49,3% cho rằng đời sống kinh tế không thay đổi so với trước năm 1975 cũng là một sự thất bại trong mối quan hệ này. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng mặc dù nông thôn miền Bắc đã trải qua giai đoạn nóng vội trong đường lối kinh tế, nhưng đây cũng là quá trình trải nghiệm, từng bước tìm lối đi, mà Khoán 100 chính là điểm sáng đầu tiên, mở đường cho phát triển kinh tế ở giai đoạn Đổi mới. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp cơ sở "Sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động kinh tế của hợp tác xã ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986" năm 2018 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Tài liệu trích dẫn

- Cao Văn Lương (chủ biên). 1991. *Việt Nam 1975-1990 Thành tựu và Kinh nghiệm*. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ. 2009. *Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ (1975-2005)*. Nxb. Lao động.
- Đào Thế Tuấn. 1997. *Kinh tế hộ nông dân*. Nxb. Chính trị Quốc gia. 214 trang.
- Đặng Phong. 2014. *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989 – Nhật ký thời Bao cấp*. Tái bản lần thứ 4. Nxb. Tri Thức.
- Guerrero, L. K., Anderson, P. A., & Afifi, W. A. 2011. *Close Encounters: Communication in Relationships* (3rd ed.). Los Angeles: Sage.
- Nguyễn Đức Hòa, Phạm Phúc Vĩnh. 2015. *Giáo trình Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến 2010*. Đại học Sài Gòn.
- Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm. 1996. *Nửa thế kỷ phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam 1945-1995*. Nxb. Nông nghiệp.
- Trần Bá Đệ. 2007. *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay - những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Trần Đức Cường (chủ biên). 2014. *Lịch sử Việt Nam. Tập 12: Từ năm 1954 đến năm 1965*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.